TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HN-ST
Ngày: 27/4/2018
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Gái.

2. Ông Phạm Văn Phước.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thịnh – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 2.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26/03/2018 về "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2018/QĐXX ngày 12/4/2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXX ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Kim H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ….. Đường số 10, phường CL, Quận 2, Tp HCM (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phi K, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số …., Đường 11, phường CL, Quận 2, Tp HCM (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 16/03/2018, Bản tự khai ngày 29/03/2018, nguyên đơn bà Lê Kim H trình bày: Bà và ông K chung sống tự nguyện với nhau năm 1996 và không đăng ký kết hôn do lúc đó khó khăn nên hai bên không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2001 thì mâu thuẫn phát sinh, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cãi vả, ông K mỗi lần uống say về

thường đánh và cầm dao đòi chém mẹ con tôi. Chúng tôi đã sống ly thân. Bà H và ông K đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thể chung sống với nhau. Nay không còn tình cảm với ông K nên bà H xin được ly hôn ông K.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Phi H, sinh ngày 27/11/1996. Con đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Phi K trình bày: Tôi và bà H chung sống không có đăng ký kết hôn, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng cũng có va chạm, bản thân tôi cũng có lỗi là uống rượu say không làm chủ được bản than nên vợ chồng có gây gổ. tôi hứa sẽ sửa chữa sai phạm này. Tôi không muốn ly hôn.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Phi H, sinh ngày 27/11/1996. Con đã trưởng thành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn. Bị đơn ông K mặc dù đã được tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Lê Kim H yêu cầu ly hôn với bị đơn Ông Nguyễn Phi K. Do ông K cư trú tại Quận 2 nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông K vắng mặt nhưng Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2018/QĐXX ngày 12/4/2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXX ngày 20 tháng 4 năm 2018. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ lời khai của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định Bà Lê Kim H và ông Nguyễn Phi K chung sống tự nguyện với nhau từ năm 1996, mặc dù 2 bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo qui định của luật hôn nhân gia đình nhưng hai bên không thực hiện việc đăng ký kết hôn nên chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, Ông K bà H đã vi phạm khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, Ông K và bà H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Phi H, sinh ngày 27/11/1996. Con đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do có yêu cầu ly hôn nên bà H phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016;

- Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Bà Lê Kim H và ông Nguyễn Phi K là vợ chồng.

[2] Về việc nuôi con: Quá trình chung sống có 01(một) con tên Nguyễn Phi H, sinh ngày 27/11/1996. Con đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà H phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AE/2014/0008999 ngày 26/03/2018, do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (Thịnh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Yến